TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Hoài Ẩn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Trần Đại Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 43/2020/QĐ-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1973 (có mặt)

Trú tại: Ấp Đ, thị trấn D, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp Đông, thị trấn D, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: Chị với anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu A (nay là thị trấn Mái Dầm) vào năm 2010. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp. Anh T không lo làm ăn, chỉ lo rượu chè. Chị N đã bỏ đi và sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Do đó, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A (nam) sinh ngày 12/12/1993 và Nguyễn Ngọc Tường V (nữ), sinh ngày 12/7/2009. Chị N yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Tường Vy, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với Nguyễn Tuấn A đã trưởng thành nên không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung chị N khai không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T, từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T. Tuy nhiên anh T đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung đề nghị giao con chung là Nguyễn Ngọc Tường V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung: không có, về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt mặc dù được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị N và anh Tứ chung sống như vợ chồng từ năm 1993, sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu A (nay là thị trấn Mái Dầm) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không sống chung với nhau, đã ly thân từ năm 2014 đến nay, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại tòa chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A (nam) sinh ngày 12/12/1993 và Nguyễn Ngọc Tường V (nữ), sinh ngày 12/7/2009. Cháu V đang sống trực tiếp với chị N và có nguyện vọng muốn sống với chị N. Xét thấy chị

Nga có nguyện vọng nuôi con chung, có thu nhập ổn định và có khả năng nuôi con. Để tránh làm ảnh hưởng đến hoàn cảnh sống của cháu cũng như ổn định cho cháu được học hành nên Hội đồng xét xử giao cháu Vy cho chị N trực tiếp nuôi là phù hợp. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét trong vụ án này. Đối với Nguyễn Tuấn A đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 53, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 12/7/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tạm ứng theo biên lai

số 0004108 ngày 17/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Dương Hoài Ẩn

.....- ..... **Lương Phước Đại**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;

- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm